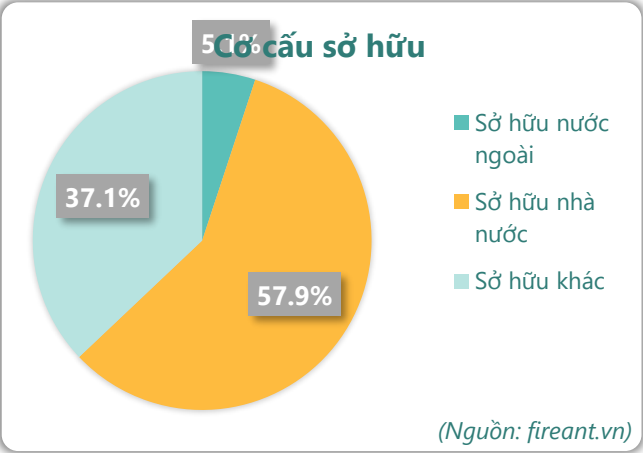


CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2

Ngày 30/09/2025	36,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.1%	7.0%	8.9%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	24,824 - 39,450
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,111
Số lượng CPLH (CP)	30,259,742
KLGD BQ 20 phiên (CP)	91,275
Sở hữu nước ngoài	5.1%
Beta	0.66
EPS	10,719
P/E	3.4



DT thuần Q3/25
102
tỷ VNĐ
QoQ: ▼450 -81.6%
YoY: ▲ 75.2 279%

LN thuần Q3/25
23.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼238 -91.2%
YoY: ▲ 20.5 837%

LN sau thuế Q3/25
18.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼189 -91.2%
YoY: ▲ 15.8 641%

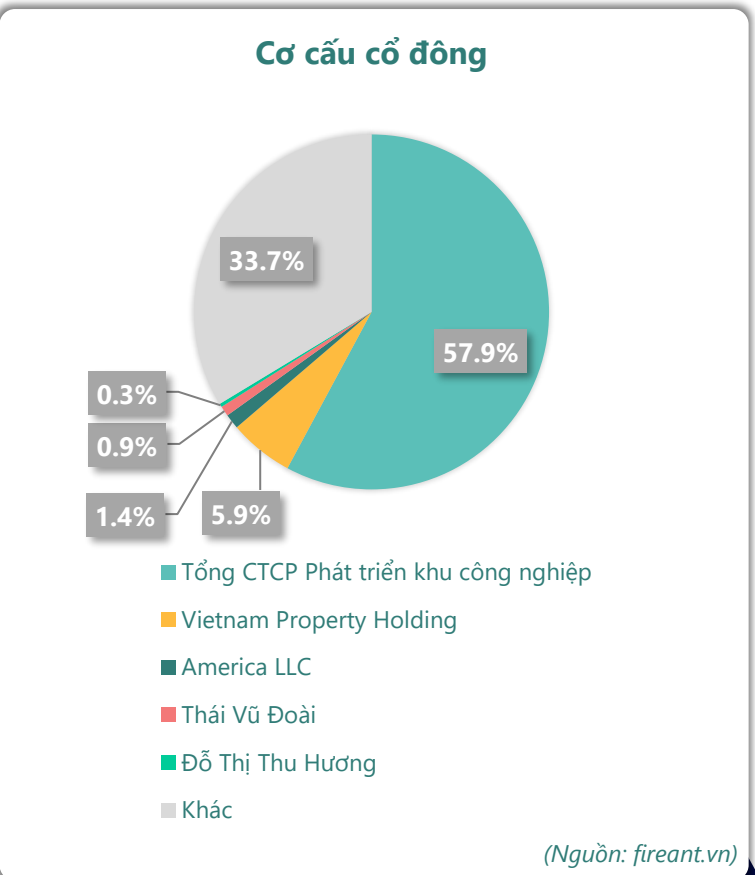
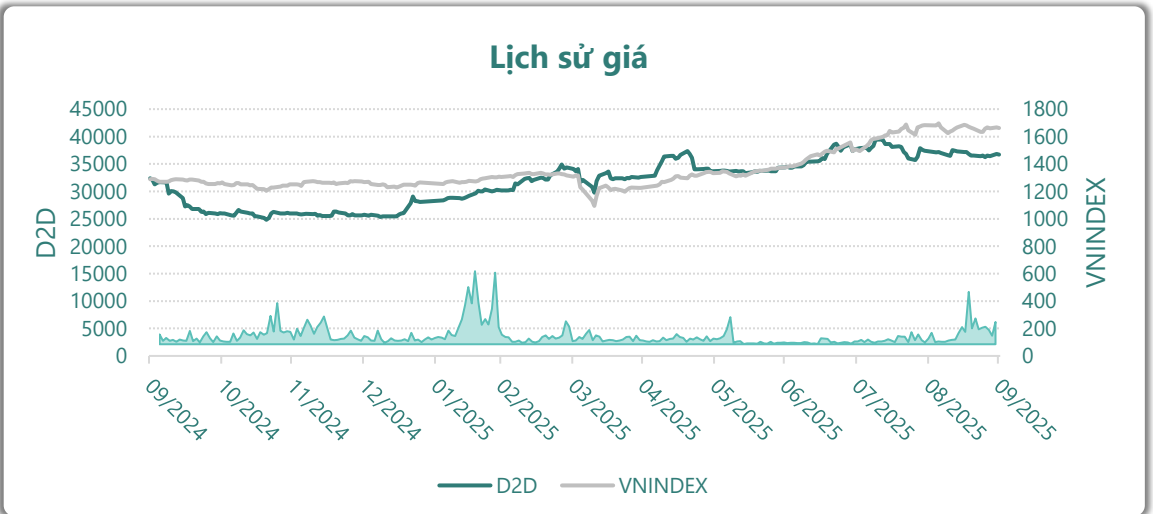
Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
22.5%
YoY: +/-▼ 24.5%

ROE (TTM) Q3/25
39.3%
YoY: +/-▲ 1.6%

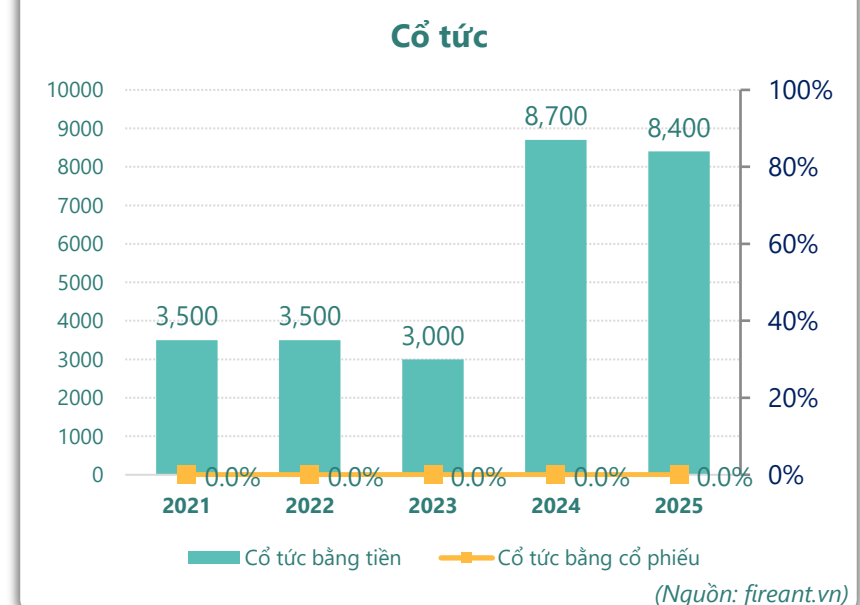
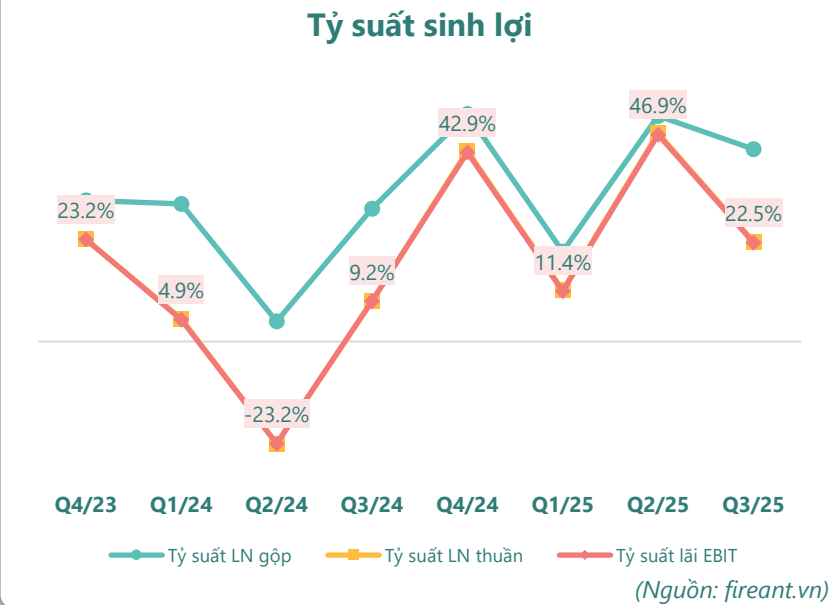
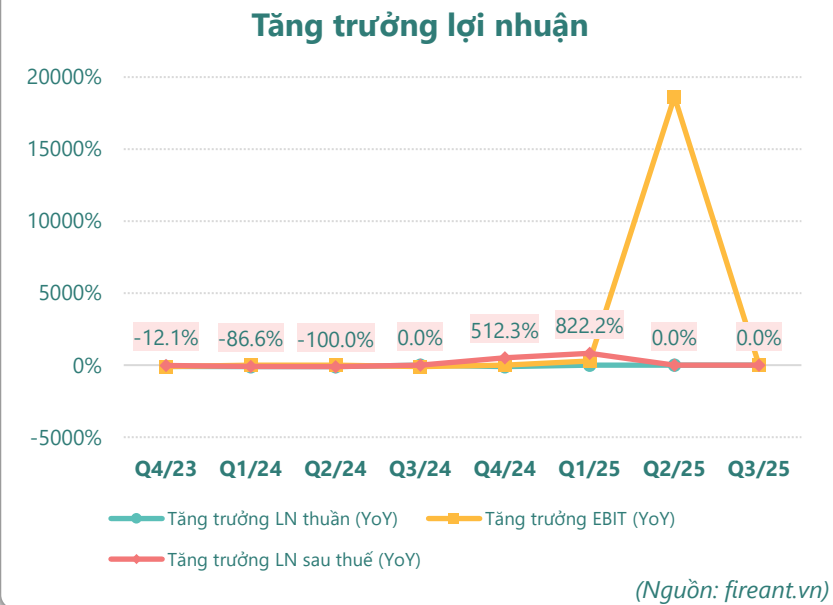
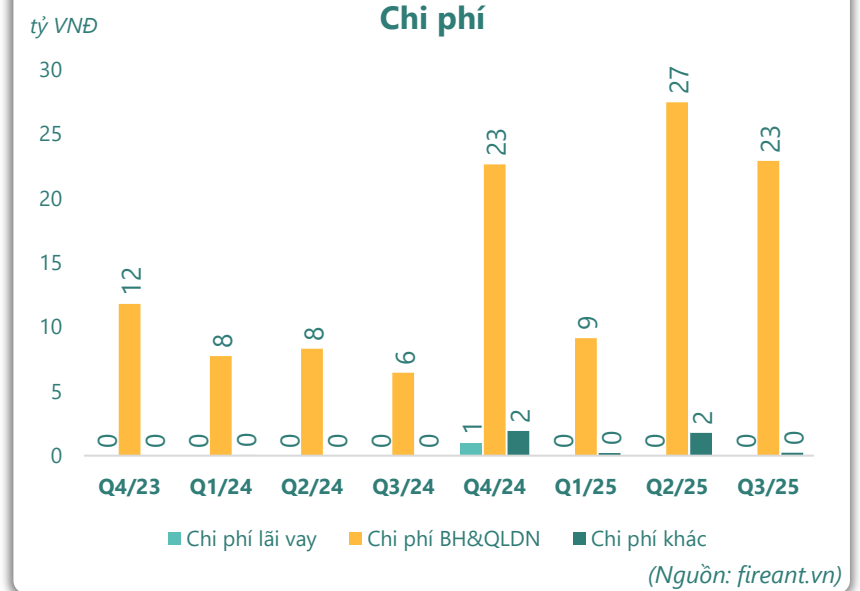
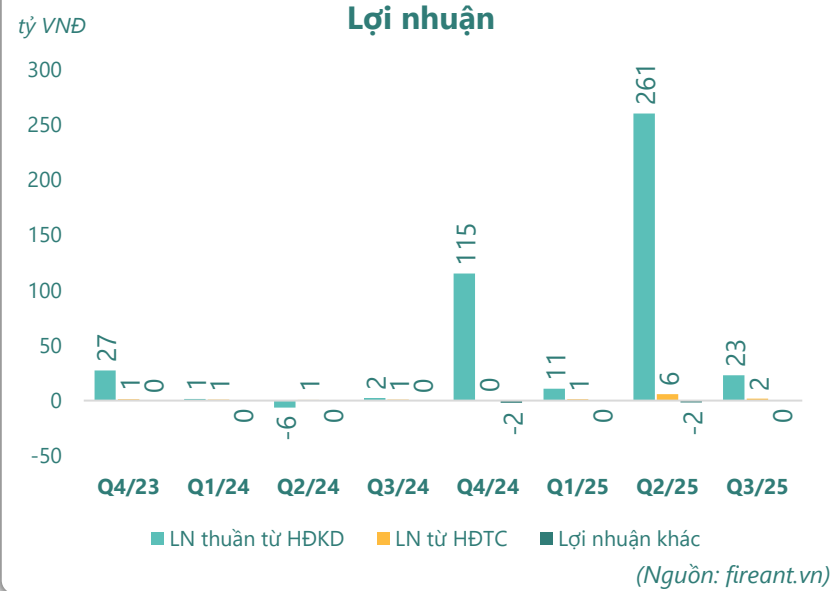
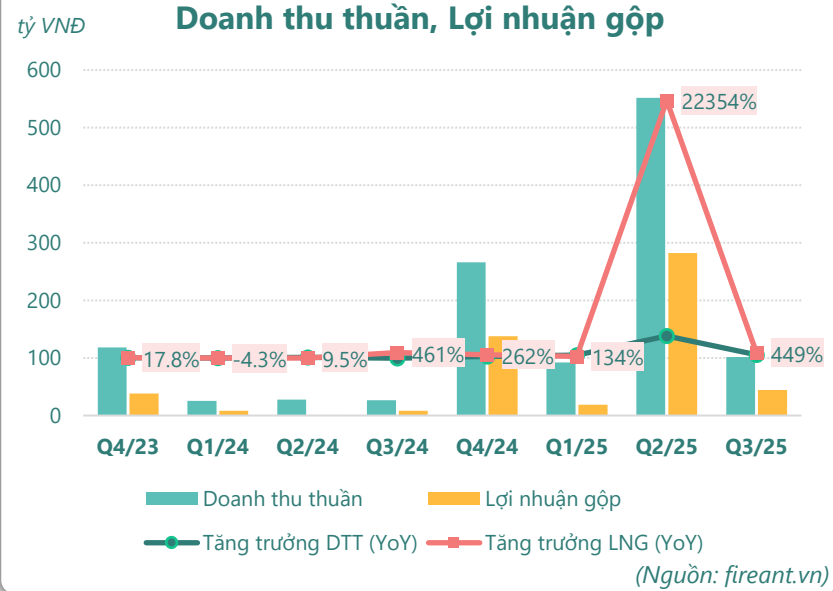
DT thuần 9T 2025
745
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 665 831%

LN thuần 9T 2025
294
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 297 11546%

LN sau thuế 9T 2025
233
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 236 8003%



KẾT QUẢ KINH DOANH

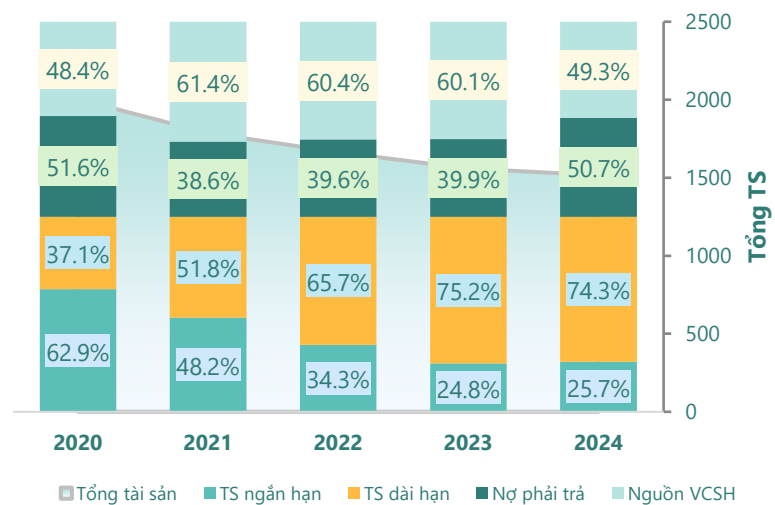




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

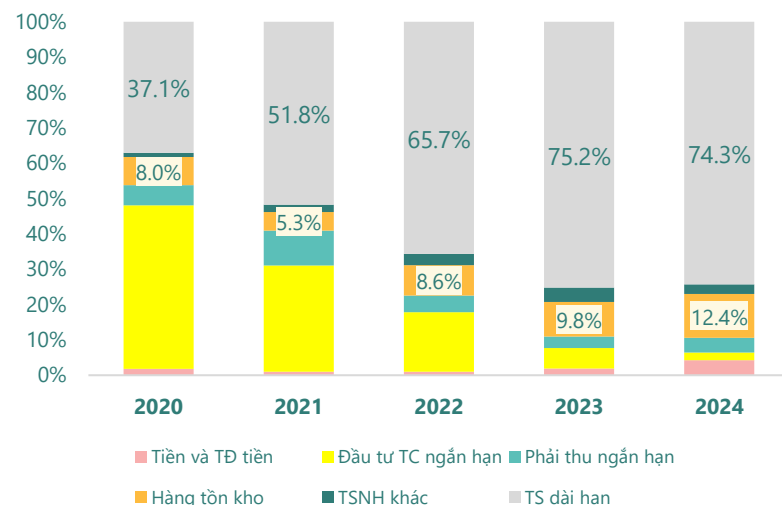
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

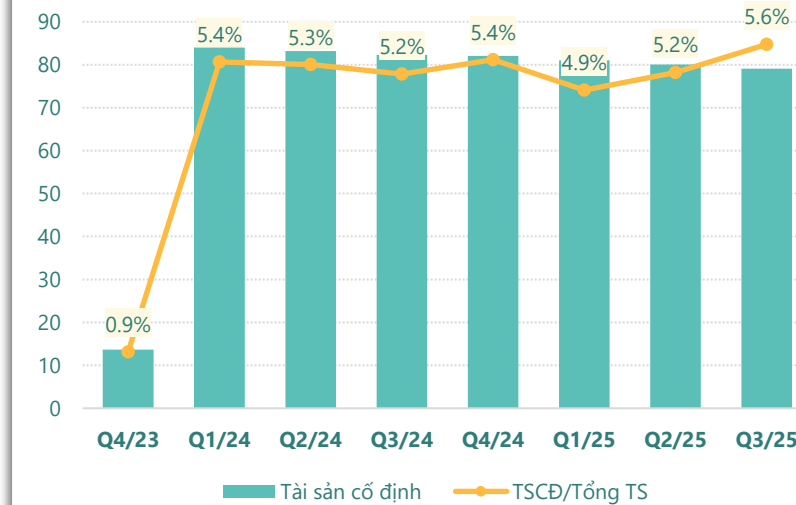
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

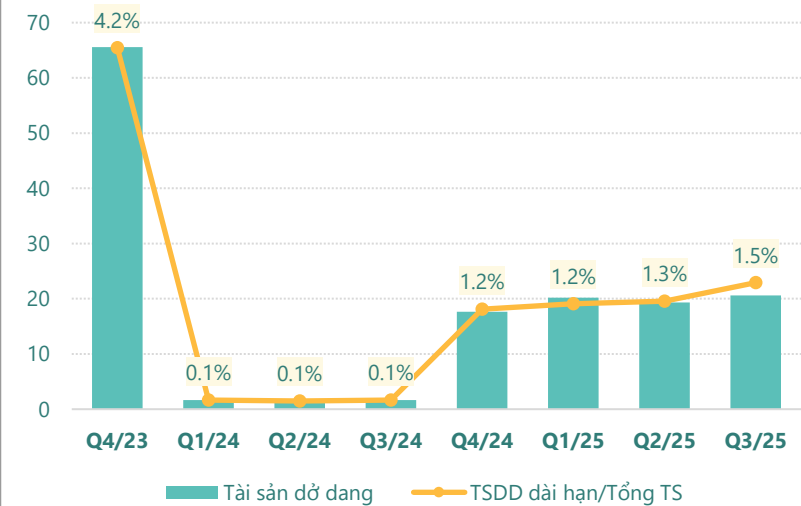
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

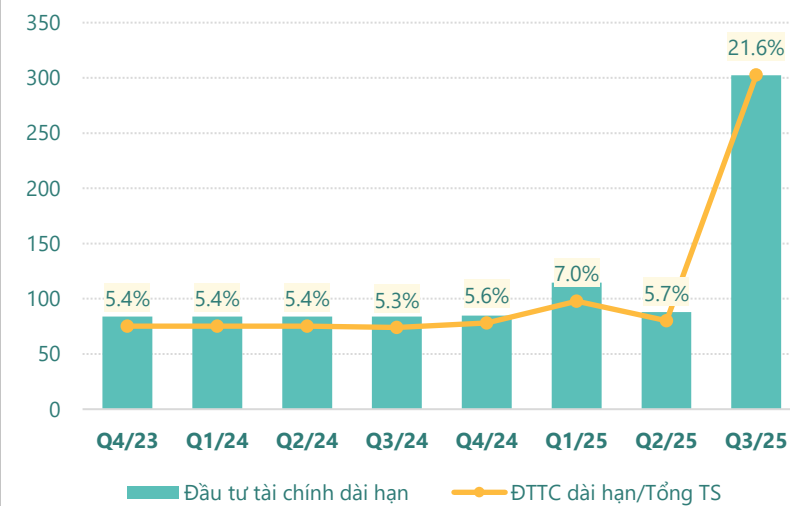
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

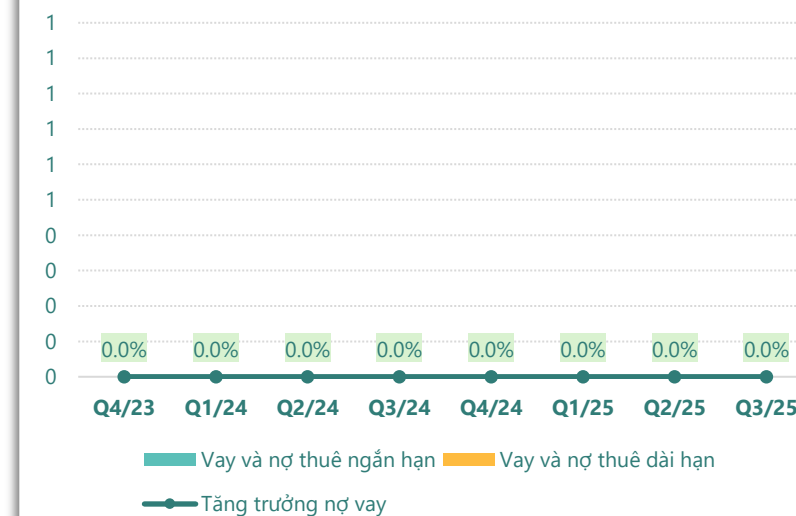
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

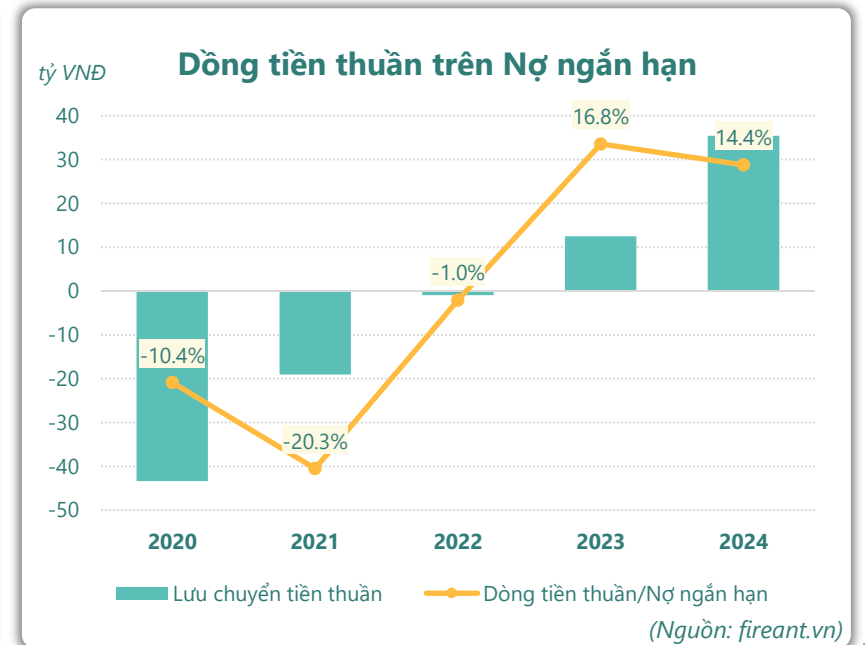
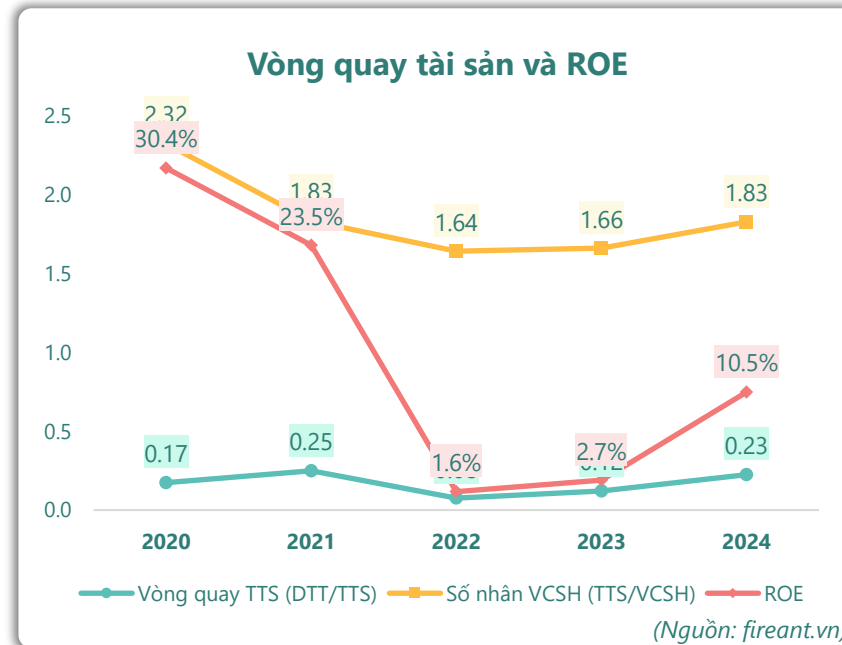
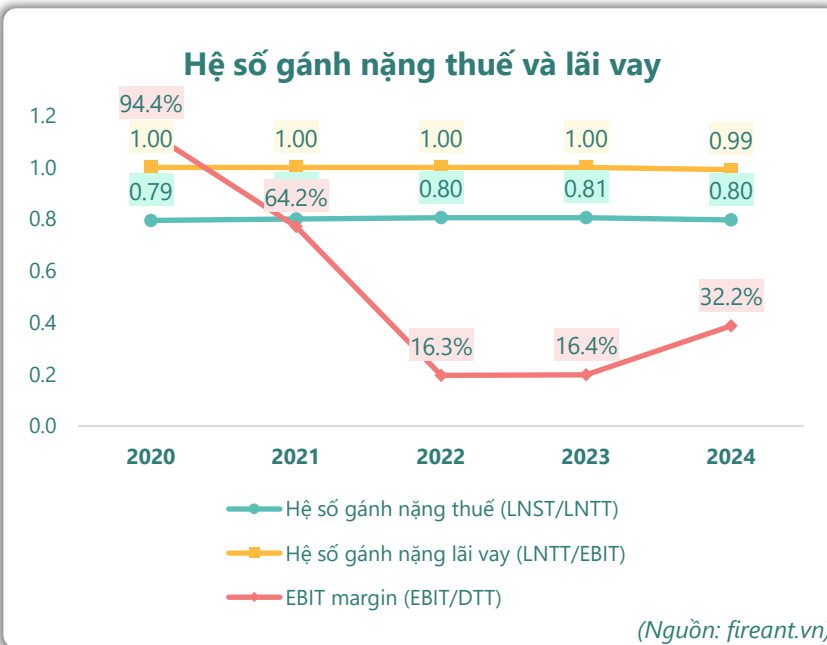
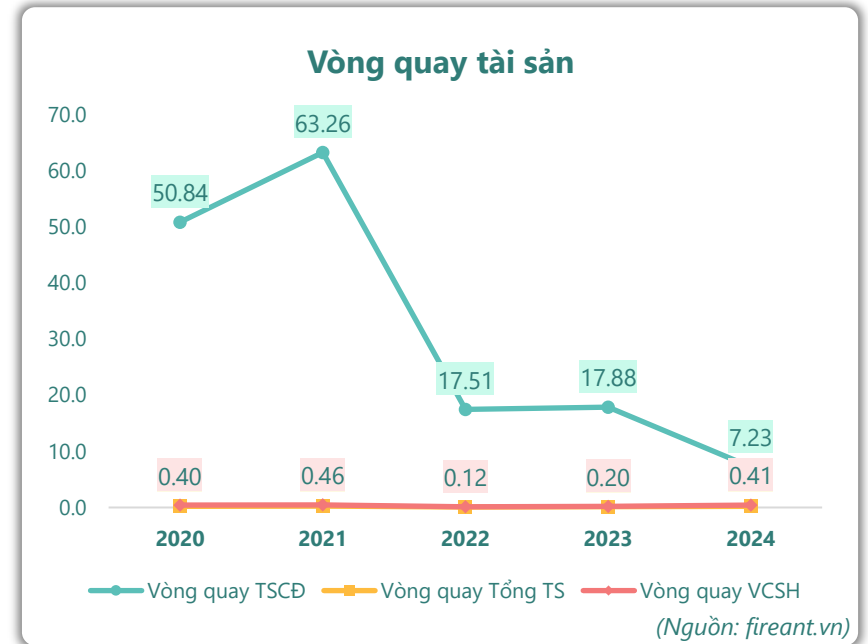
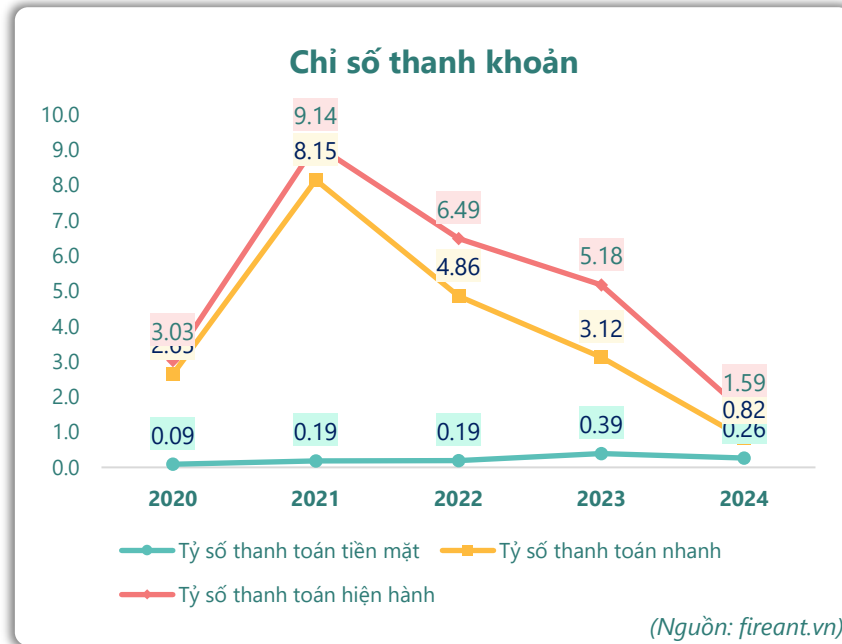
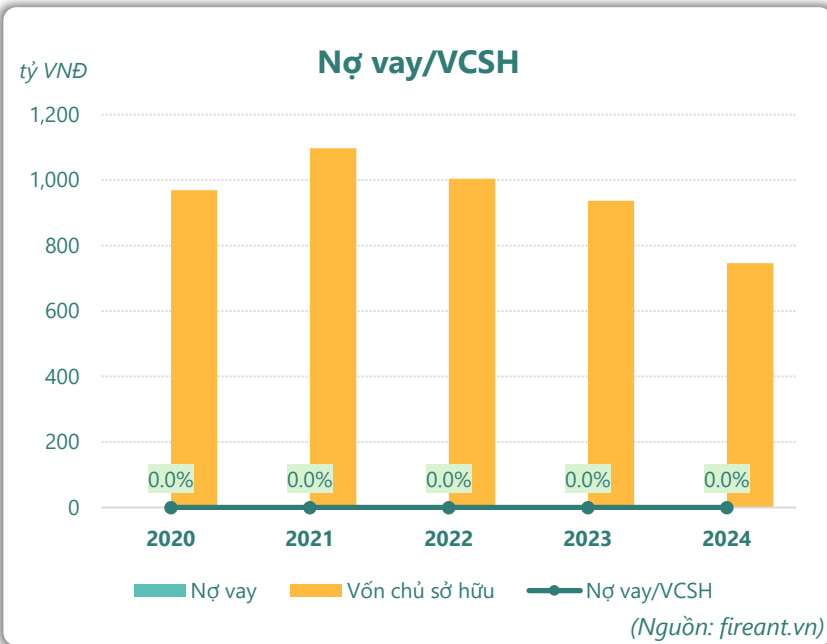
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	102	26.8	279%	745	80.0	831%
Giá vốn hàng bán	57.3	18.7	206%	400	62.7	538%
Lợi nhuận gộp	44.3	8.08	449%	346	17.4	1888%
Doanh thu HĐTC	1.63	0.82	99.0%	5.17	2.46	110%
Chi phí TC	0	0.00		-3.25	-0.10	-3117%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	22.9	6.45	255%	59.6	22.5	165%
LN thuần từ HĐKD	23.0	2.46	837%	294	-2.57	11546%
Lợi nhuận khác	-0.23	0.00		-2.20	-0.06	-3435%
LN trước thuế	22.8	2.46	827%	292	-2.63	11192%
Lợi nhuận sau thuế	18.3	2.47	641%	233	-2.95	8003%
LNST của CĐ cty mẹ	18.3	2.47	641%	233	-2.95	8003%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-13.0	28.1	302	221	269	40.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.02	-0.30	-41.3	-63.4	2.71	-242
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-263	0	-253	-0.80
Tiền đầu kỳ	60.4	47.4	75.2	64.6	222	241
Lưu chuyển tiền thuần	-13.0	27.8	-1.56	157	18.6	-203
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	47.4	75.2	73.6	222	241	37.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,400	1,516	-7.7%
Tài sản ngắn hạn	338	390	-13.3%
Tiền và tương đương tiền	37.9	64.6	-41.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	62.5	32.5	92.3%
Phải thu ngắn hạn	98.2	63.7	54.2%
Hàng tồn kho	139	187	-26.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.81	41.9	-98.1%
Tài sản dài hạn	1,061	1,126	-5.8%
Phải thu dài hạn	42.8	11.1	287%
Tài sản cố định	79.0	82.1	-3.7%
Bất động sản đầu tư	381	343	11.1%
Tài sản dở dang	20.6	17.6	16.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	302	84.7	257%
Tài sản dài hạn khác	235	588	-60.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	682	769	-11.4%
Nợ ngắn hạn	98.0	246	-60.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.71	12.0	-85.8%
Nợ dài hạn	584	524	11.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	718	747	-3.9%
Vốn chủ sở hữu	718	747	-3.9%
Vốn điều lệ	303	303	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

